

Bản án số: 57/2025/HS-PT

Ngày: 10 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miễn

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khả Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Mai Hồng N, do có kháng cáo của bị cáo và các bị hại Đào Ngọc M, Lê Mỹ T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Mai Hồng N, sinh năm 1977 tại Cà Mau (tên gọi khác: Không); nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Q và bà Quách Thị D; chồng: Ngô Quốc T1; con 02 người; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam ngày 30/8/2024 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Đào Ngọc M, sinh năm: 1985 (có mặt).

2. Bà Lê Mỹ T, sinh năm: 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Quốc T1, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 7 năm 2021, ông Đào Ngọc M và bà Lê Mỹ T là vợ chồng làm đơn khởi kiện ông Đào Văn M1 ra Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển để tranh chấp đòi tiền 851.000.000 đồng (ông M1 là cha ruột ông M). Thời gian này, bị cáo Mai Hồng N là chủ hụi (của vợ chồng M, T), N biết được vụ kiện, nên nói có quen biết với ông

Huỳnh Minh T2, Phó Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến để bị cáo N nhờ giúp giải quyết thắng kiện. Bị cáo Mai Hồng N kêu vợ chồng M, T đưa cho bị cáo N số tiền 60.000.000 đồng để đưa cho cán bộ Tòa án huyện N giúp giải quyết thắng kiện.

Tuy nhiên, do vợ chồng M, T không có tiền, nên hỏi đã vay của bị cáo N số tiền 60.000.000 đồng để bị cáo N giúp lo giải quyết vụ án. Đến ngày 07/8/2021 (nhằm ngày 30/6/2021 âm lịch) vợ chồng M, T hốt chân hụi loại hụi 5.000.000 đồng do bị cáo N làm chủ hụi được số tiền 118.100.000 đồng, sau khi hốt hụi bị cáo N đã trừ số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi mà vợ chồng M, T đã hỏi vay.

Khoảng tháng 12 năm 2021, bị cáo Mai Hồng N gặp vợ chồng M, T tại nhà của bị cáo N, thì N tiếp tục kêu vợ chồng M, T đưa thêm cho bị cáo N số tiền 60.000.000 đồng để lo giải quyết vụ tranh chấp với ông M1 được thắng kiện. Lúc này, vợ chồng M, T tiếp tục hỏi vay của bị cáo N thêm số tiền 60.000.000 đồng với mục đích để bị cáo N đưa cho cán bộ Tòa án giải quyết thắng kiện. Đến ngày 07/01/2022 (nhằm ngày 15/12/2021 âm lịch), bị cáo N cho vợ chồng M, T mượn chân hụi loại hụi 2.000.000 đồng hốt được số tiền 78.750.000 đồng, bị cáo N trừ lại số tiền vay 60.000.000 đồng và đưa số tiền dư cho M, T là 18.750.000 đồng.

Sau khi nhận của vợ chồng M, T tổng số tiền 120.000.000 đồng, bị cáo Mai Hồng N đã không đưa cho cán bộ nào ở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến như bị cáo N đã hứa mà sử dụng số tiền này lấp vào khoản tiền thâm hụt (do trước đó vợ chồng ông Hồ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Diễm H ở ấp T, xã T, huyện N vay của bị cáo N sau đó không trả lại).

Đến ngày 12/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự giữa vợ chồng M, T với ông M1 thì vợ chồng M, T yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 120.000.000 đồng, đã đưa cho bị cáo N lo giải quyết vụ án, nhưng bị cáo N không đồng ý, nên vợ chồng M, T gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra Công an huyện N yêu cầu xử lý. Quá trình bà T có nói chuyện với bị cáo N, thì T có ghi âm lại và đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 03 đoạn ghi âm.

Tại Kết luận giám định số 1212/KL-KTHS ngày 20/3/2024 của Phân Viện Khoa học kỹ thuật tại Tp . kết luận:

- + Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định.

- + Tiếng nói của người nữ (ký hiệu “Ngọt” trong “BẢN DỊCH NỘI DUNG”) trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Mai Hồng N trong mẫu so sánh là cùng một người nói ra.

- + Nội dung hội thoại trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (“BẢN DỊCH NỘI DUNG” gồm 10 trang giấy A4).

Tại Kết luận giám định số: 270/KL-KTHS ngày 20/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh C, kết luận:

- + Tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) do đã qua giấy than nên không tiến hành giám định.

- + Chữ viết (*không kể chữ viết “3/5/2024 tuyến Lê mỹ tuyến”*) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết Ngô Quốc T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1; M3) là do cùng một người viết ra.

- + Chữ viết (*không kể chữ viết “3/5/2024 tuyến Lê mỹ tuyến”*) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết Mai Hồng N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2; M4) là không phải do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 546/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh C, kết luận:

+ Chữ viết có nội dung “*dây số: 1 Hui 2.000.000...78.750.000*” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết Ngô Quốc T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký dưới mục “*Chủ hui*” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký Ngô Quốc T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Hồng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/8/2024, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 25/3/2025, bị cáo Mai Hồng N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, lý do mức án sơ thẩm quá cao.

- Ngày 16/4/2025, bị hại Đào Ngọc M, Lê Mỹ T kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, lý do: Án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với Ngô Quốc T1, việc xử phạt Mai Hồng N 02 năm 06 tháng tù là quá nhẹ.

Căn cứ kháng cáo cho rằng bỏ lọt tội:

- Căn cứ kết luận giám định, Ngô Quốc T1 viết giấy có nội dung cho rằng bị hại mượn tiền của T1 đưa cho Phó Chánh án Huỳnh Minh T2 (T1 đưa tiền). Bị hại T hốt hui trả lại giấy do T1 viết.

- Có đoạn băng ghi âm (file video) bàn về giao dịch chạy án với ông Huỳnh Minh T2 (do bị cáo N và ông T1) chủ mưu (bị hại cung cấp khi kháng cáo).

- Nội dung biên bản làm việc ngày 06/01/2025 tại Công an huyện N, Viện kiểm sát huyện N, có bằng chứng đầy đủ Ngô Quốc T1 chủ mưu thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N môi giới hối lộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Mai Hồng N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, điều tra hành vi phạm tội của ông Ngô Quốc T1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội người phạm tội đối với Ngô Quốc T1 (đồng phạm với bị cáo Mai Hồng N). Tại 02 dữ liệu điện tử (ghi âm, ghi hình): file ghi âm đã giám định và file video bị hại cung cấp khi kháng cáo (chưa giám định) đều xuất hiện người tên “anh S” (tại tòa phúc thẩm bị hại xác định là Ngô Quốc T1), ông T1 là người chủ mưu câu chuyện nói trong file video, ông T1 tham gia bàn bạc cùng với bị cáo, bị hại về việc nhận tiền 120.000.000 đồng để chạy lo thăng kiện. Tuy nhiên, đối với file video bị hại cung cấp khi kháng cáo chưa được giám định, chưa được điều tra; chưa làm rõ tên “anh S”, có phải là ông Ngô Quốc T1? Do đó, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, từ đó đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau; Giao hồ sơ về điều tra, xét xử lại.

- Bị cáo xin giảm án để sớm về lo cho gia đình.
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Trên cơ sở chứng cứ có tại hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, cấp sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Trong thời gian từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, bị cáo Mai Hồng N đã thực hiện hành vi gian dối đưa ra thông tin không đúng sự, cho rằng có quen với Thẩm phán Huỳnh Minh T2 (Phó Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến), có thể giúp ông Đào Ngọc M và bà Lê Mỹ T thắng vụ kiện đòi tiền cha của ông M là ông Đào Văn M1. Bị hại Đào Ngọc M và bà Lê Mỹ T tin tưởng giúp thắng kiện được, nên đã hỏi vay tiền của bị cáo N 02 lần 120.000.000 đồng, để bị cáo N dùng số tiền 120.000.000 đồng này đưa cho cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến.

[1.1] Đến ngày 07/8/2021 (nhằm ngày 30/6/2021 âm lịch) vợ chồng M, T hót chân hui loại hui 5.000.000 đồng (do bị cáo N làm chủ hui) được số tiền 118.100.000 đồng, sau khi hót hui bị cáo N đã trừ số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (mà N nói đã đưa cho cán bộ Tòa án) và số tiền lãi tổng 75.200.000 đồng, còn lại vợ chồng M, T thực nhận 42.900.000 đồng, (Bút lục số 91). Đến khoảng tháng 12 năm 2021, bị cáo Mai Hồng N gặp vợ chồng M, T tại nhà của bị cáo N, thì N tiếp tục kêu vợ chồng M, T đưa thêm cho bị cáo N số tiền 60.000.000 đồng để lo giải quyết thêm vụ tranh chấp đất với ông Đào Văn M1 mới xong được vụ kiện. Lúc này, vợ chồng M, T tiếp tục hỏi vay của bị cáo N thêm số tiền 60.000.000 đồng (với mục đích để bị cáo N đưa cho cán bộ Tòa án giải quyết thắng kiện). Đến ngày 07/01/2022 (nhằm ngày 15/12/2021 âm lịch), bị cáo N cho vợ chồng M, T mượn chân hui loại hui 2.000.000 đồng hót được số tiền 78.750.000 đồng, bị cáo N trừ lại số tiền vay 60.000.000 đồng và đưa số tiền dư cho M, T là 18.750.000 đồng, (Bút lục số: 41).

Bị cáo N khai nhận, sau khi lấy tiền của bị hại, bị cáo đã sử dụng toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng vào mục cá nhân (lấp vào khoản tiền bị cáo cho người khác vay không trả), bị cáo không đưa tiền cho cán bộ Tòa án. Đối với bị hại Đào Ngọc M, Lê Mỹ T thì luôn cho rằng bị hại đưa tiền 120.000.000 đồng cho bị cáo Mai Hồng N, và ông Ngô Quốc T1 để đưa cho ông Huỳnh Minh T2 (giải quyết cho bị hại thắng kiện ông Đào Văn M1), nhưng không thành công, bị hại làm đơn tố giác tội phạm (bà N, ông T2) để đòi lại tiền.

[1.2] Bị hại Tuyển đã ghi âm 03 cuộc hội thoại khi nói chuyện với bị cáo N về quá trình vay tiền, đưa tiền 120.000.000 đồng cho bị cáo N lo giúp thắng kiện, đã được kết luận giám định nội dung và giọng nói của bị cáo N, bị hại T (Kết luận giám định số 1212/KL-KTHS ngày 20/3/2024 của Phân Viện Khoa học kỹ thuật tại Tp .). Đồng thời, đối với 02 giấy hui do ông T1 viết, tại Kết luận giám định số: 270/KL-KTHS ngày 20/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh C cũng đã kết luận là chữ viết, chữ ký của ông Ngô Quốc T1.

Từ đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Mai Hồng N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại. Bị hại yêu cầu hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm do bỏ lọt người phạm tội đối với ông Ngô Quốc T1 (bị hại cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ kháng cáo là file điện tử sao chép video ghi hình, kèm âm thanh) từ điện thoại OPPO F9 (màu tím) do bà Lê Mỹ T đang sử dụng, file được lưu trong 01 USB hiệu TOSHIBA, 8GB màu trắng (Bút lục 391, 392). Tại cấp phúc thẩm, bà Lê Mỹ T trình bày: File video trên là do chính bà T quay bằng máy điện thoại OPPO F9 (màu tím) do T sử dụng (ngày quay video 14.10.2021 dương lịch, tại nhà của ông Ngô Quốc T1 và bị cáo Mai Hồng N). Tại phiên tòa phúc thẩm, khi được cho nhận dạng hình ảnh người đàn ông đoạn đầu file video (thì bà T, ông M, bị cáo N, ông T1 đều xác định người đàn ông ngồi trên hàng ba trước nhà là ông Ngô Quốc T1); đoạn sau video chỉ có âm thanh (bị hại khai vì đã bỏ điện thoại vào túi xách). Một số tình tiết trọng tâm trong file video được mở tại tòa, thể hiện có người đàn ông (bị hại cho rằng là ông T1) là người trung gian, giúp bị hại đưa tiền lo thắng kiện; người phụ nữ (bị hại xác định là bị cáo N) đã nói bị hại đưa tổng số tiền 120.000.000 đồng, đồng thời nói người nhận tiền (là ông T2) đã nhận 120.000.000 đồng, nhưng “không ra trò gì” (Bút lục số 391, 392; 419 - 421). Tuy nhiên, về nội dung cuộc nói chuyện giữa 03 người (02 nữ, 01 nam) chưa được giám định, nhưng xét thấy nội dung video có liên quan đến việc vợ chồng ông T1, bị cáo N có dấu hiệu cùng thực hiện hành vi phạm tội (đồng phạm) nhận 120.000.000 đồng của bị hại để lo cho cán bộ Tòa án huyện Ngọc Hiển, giúp bị hại thắng kiện. Chứng cứ cũng thể hiện, bị cáo N cho bị hại vay tiền (sau đó trừ tiền chơi hụi, mượn hụi của bị hại); khi hốt hụi, trên giấy hụi đều có chữ viết, chữ ký của ông Ngô Quốc T1 viết ra số tiền hốt hụi, số tiền trừ ra (tiền vay, lãi vay) do bị hại vay tiền, đưa tiền cho bị cáo N đi lo thắng kiện.

Do dữ liệu file video bị hại cung cấp mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm; file này không được bị hại cung cấp, và chưa được giám định làm rõ tại giai đoạn điều tra vụ án; đồng thời khi mở nghe nội dung file video, cho thấy án sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội là ông Ngô Quốc T1, nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị hại, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về điều tra, xét xử lại. Do hủy án, nên không xem xét kháng cáo yêu cầu giảm án của bị cáo.

[3] Những vấn đề cần điều tra làm rõ sau khi hủy án: Làm rõ vai trò đồng phạm đối với ông Ngô Quốc T1 trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; hoặc có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ”, “Nhận hối lộ”, “Môi giới hối lộ”... khi bị cáo N, cùng ông T1 (là nghi phạm) dùng tiền của bị hại T, M đưa cho ông Huỳnh Minh T2 để lo thắng vụ kiện (đối với ông Đào Văn M1). Do đó, cần:

[3.1] Giám định đoạn video (ghi hình, ghi âm) phía bị hại cung cấp nêu trên để chứng minh ông Ngô Quốc T1 có đồng phạm với bị cáo Mai Hồng N hay không?

- Tại cuộc hội thoại ghi âm giữa bị hại T và bị cáo N đã được giám định (Bút lục 100), T nói đưa 120.000.000 đồng (trừ tiền hốt hụi 2 lần), N không nhớ rõ, T kêu N hỏi lại “anh S” (bị hại cho rằng “anh S” là ông Ngô Quốc T1) để xác định lại số tiền đã nhận; quá trình nói chuyện này bị cáo N có hỏi người tên “anh S”: “Ê ông S, vợ thằng M nó đưa anh T2 02 lần là nhiều triệu, nó điện tui nó hỏi, nó nói trăm ngoài triệu, tui nhớ có sáu mươi mấy triệu à, phải không?”. Sau khi hỏi lại “anh S” số tiền đã

nhận của bị hại, bị cáo N nói: “Nhớ rồi, nói vậy nhắc tao nhớ, anh S anh nhắc tao nhớ”. Như vậy, trong file video bị hại cung cấp cũng có tên “anh S” (bị hại cho rằng “anh S” là ông T1) có nhiều nội dung (cho thấy bị cáo, bị hại T, người đàn ông tên “anh S” – nghi là ông T1) đã bàn rất chi tiết đến việc nhận tiền của bị hại lo giúp thắng kiện. Với tình tiết trên cho thấy ông T1 (anh S) có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo N, nhưng vấn đề trên chưa được điều tra làm rõ, tên gọi “anh S” có phải là ông Ngô Quốc T1 hay không?.

[3.2] Làm rõ đối tượng tên S1, khi bị cáo N đề cập trong đoạn ghi âm (đã được giám định), thể hiện bị cáo N thuật lại với bị hại T về người tên S1 nói với N: “Vụ M hồ sơ rõ ràng hết”; “không có đường nào không thắng kiện” (Bút lục 102). Ngoài ra, đối với đoạn video (bị hại cung cấp), người đàn ông cời trần ngồi trên hàng ba nhà (bị hại xác định là ông T1), ông này cũng đã nói: “Thằng S1 với ông T2 như một” (đoạn phút thứ 3, giây 26 trở đi). Vậy, đối tượng tên S1 là ai, có vai trò gì, liên quan gì với ông Huỳnh Minh T2 trong vụ án bị hại kiện ông Đào Văn M1, cũng như vụ án bị cáo N lấy tiền của bị hại nói lo thắng kiện?.

[3.3] Làm rõ lời khai ông Phan Thanh P (sinh năm 1989, địa chỉ Khóm T, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau) đại diện cho bà T, ông M khi kiện ông Đào Văn M1; việc bàn bạc, thỏa thuận ủy quyền này như thế nào? Có ai sắp đặt ông P đại diện hay không? Có liên quan gì đến việc ông T2 thụ lý giải quyết vụ án dân sự của bị hại? Vì tại cấp phúc thẩm, bị hại khai nhận, khi bị hại nhờ bị cáo N giúp thắng kiện, thì phía vợ chồng bị cáo N, ông Huỳnh Minh T2 có sắp xếp để đưa ông Phan Thanh P vào đại diện cho ông M, bà T.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N cho rằng khi bắt bị cáo, có thu giữ điện thoại S2 S8+ Seri R58J080ZJX, trong Zalo của máy này có thể hiện chủ tài khoản Minh T2, vào ngày 18/4/2022 gửi qua tài khoản Zalo Ngô Tới một số văn bản tố tụng (bị cáo N khai thời điểm này bị cáo có kiện dân sự; bị cáo bận việc không đến Tòa nhận văn bản, nên ông T2 gửi qua Zalo cho bị cáo); các văn bản trên không liên quan đến vụ án dân sự bà T, ông M kiện ông M1. Ngày 19/5/2022 Zalo Minh T3 tiếp tục gửi tài liệu cho bị cáo N; đồng thời gửi số tài khoản 19037205369017 tên Huỳnh Văn K tại ngân hàng T4; Ngày 20/5/2022, bị cáo N khai đã nhắn Z cho ông T3: “Nhan tiền được chưa” (Nhận tiền được chưa anh), (Bút lục số: 59, 154, 190-191). Bị cáo N khẳng định tại tòa, ông Huỳnh Minh T2 mượn tiền bị cáo N 20.000.000 đồng (mượn cho người em là Huỳnh Văn K), bị cáo N đã nhờ người (chủ tiệm T5) chuyển khoản cho Huỳnh Văn K 20.000.000 đồng, nên vào ngày 20/5/2022 bị cáo N nhắn tin Z hỏi ông Huỳnh Minh T2 “anh nhận tiền được chưa”. Bị cáo cũng khai nhận vài ngày sau khi ông T2 mượn tiền, ông T2 đã trả cho bị cáo; bị cáo và ông T2 cho rằng đây không phải là tiền bị hại T đưa lo giúp thắng kiện (Bút lục số 177; 206 - 207). Tuy nhiên, để làm rõ vấn đề này cần xác minh giao dịch tại Ngân hàng, điều tra ông Huỳnh Văn K liên quan gì đến số tiền bị cáo khai đã chuyển khoản nêu trên; làm rõ động cơ mượn tiền của ông T2 trong giai đoạn thụ lý giải quyết vụ án dân sự của T, M (nhờ bị cáo N lo giúp); cũng như động cơ ông T2 mượn tiền của bị cáo N trong giai đoạn giải quyết vụ kiện dân sự mà bị cáo N là người khởi kiện dân sự (như đã khai tại tòa)?.

[3.5] Bị hại T, M, bị cáo N khai nhận có uống cà phê cùng ông T2 tại thời điểm thụ lý vụ án tại quán P1 tại khóm H, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau; theo Tuyến lúc cà phê chung thì bị cáo N có đưa tiền cho ông T2 gói trong giấy học sinh; bị cáo N

khai có ngồi cà phê chung, nhưng bị cáo N không có đưa tiền cho ông T2 (Bút lục số: 160-171; 182-183). Cần trích xuất camera tại quán, điều tra làm rõ có việc giao nhận tiền hay không, có tất cả những ai tham gia uống cà phê tại quán P1, mục đích cuộc gặp của ông T2 với vợ chồng bị hại và bị cáo tại quán cà phê P1 nêu trên?

[3.6] Đối với số tiền bị hại T, M khai rằng, theo lời ông T2 gọi điện thoại cho T, kêu T chuyển khoản và cung cấp số tài khoản tên Lâm Hoài M2, bà T đã nhờ người chuyển cho ông T2 (qua tài khoản Lâm Hoài M2) số tiền 10.000.000 đồng (Bút lục 151). Tại Đơn tố giác tội phạm ngày 15/8/2024 (Bút lục số 150, 156), bà T yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N, ông T2 về hành vi “Lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi”, đồng thời yêu cầu bị cáo N trả 120.000.000 đồng, yêu cầu T2 trả 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chưa có căn cứ giải quyết chung vụ án, yêu cầu trên của bị hại T được tách ra thành vụ án khác; hiện Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã thụ lý đơn yêu cầu xử lý hình sự của bà T, ông M theo thẩm quyền.

[4] Từ cơ sở trên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Do hủy án sơ thẩm, nên không xem xét đến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mai Hồng N.

[5] Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Đào Ngọc M và bà Lê Mỹ T. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau để điều tra lại.

2. Giao toàn bộ hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

3. Bị cáo và các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Công an xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Huỳnh Văn Út